

chức Nhà nước đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, mất sức, đối với những người xét thấy không có khả năng trả thì trạm y tế vẫn phải phục vụ với trách nhiệm đầy đủ.

Thu tiền xem mạch, kê đơn, bốc thuốc như đang làm.

c) Tiền lãi do sản xuất, thu mua dược liệu, khai thác chế biến thuốc nam tại xã, phường.

Các khoản thu cho quỹ sự nghiệp, y tế xã được ghi vào một khoản mục riêng nằm trong ngân sách xã, phường và chỉ để sử dụng riêng cho y tế mà không được sử dụng vào việc khác, chủ yếu chi các việc sau đây:

— Bù giá chênh lệch gạo giữa giá chỉ đạo mới với giá cung cấp (0,40đ/kg) cho cán bộ y tế xã, phường với tiêu chuẩn 13 kilôgam/tháng.

— Chi trạm xá phí tăng lên cho phù hợp với giá cả.

— Trợ cấp cho cán bộ khi ốm đau, sinh đẻ, khi đi học, khen thưởng, trợ cấp khó khăn, v.v..., trả phụ cấp cho những người được huy động phun thuốc trừ muỗi, dập dịch và làm công tác y tế khác.

— Ngoài ra còn sử dụng vào việc tu bổ, sửa chữa, mua trang bị về sinh hoạt và chuyên môn là những thứ cần thiết cho trạm y tế.

Cần thành lập ở mỗi xã, phường một ban bảo trợ quỹ sự nghiệp y tế để giúp Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý, kiểm tra việc thực hiện thu chi của quỹ này.

IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này thi hành thống nhất trong cả nước và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các sở y tế, tài chính giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện thông tư này và báo cáo kết quả về hai Bộ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 1983

K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế

Thủ trưởng

D.S. NGUYỄN DUY CƯƠNG

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRẦN TIÊU

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 52-NH/QĐ ngày 2-6-1983 ban hành bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của hợp tác xã tín dụng ở nông thôn.

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ quyết định số 163-CP ngày 16-6-1977 của Hội đồng Chính phủ quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;

Căn cứ quyết định số 172-HĐBT ngày 9-10-1982 của Hội đồng bộ trưởng về tiền tệ, tín dụng, thanh toán trong thời gian trước mắt;

Theo đề nghị của đồng chí giám đốc Ngân hàng nông nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Ban hành kèm theo quyết định này bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của hợp tác xã tín dụng ở nông thôn.

Bản Điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày 2 tháng 6 năm 1983.

Điều 2. — Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện bản Điều lệ này trong địa phương mình.

Điều 3. — Các đồng chí chánh văn phòng, vụ trưởng vụ tổ chức và cán bộ, giám đốc ngân hàng nông nghiệp; các đồng chí giám đốc các vụ, cục có liên quan ở ngân hàng Nhà nước trung ương; các đồng chí giám đốc ngân hàng Nhà nước các tỉnh, thành phố, đặc khu trong phạm vi chức trách của mình, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 2 tháng 6 năm 1983

Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước
Việt Nam

NGUYỄN DUY GIA

**ĐIỀU LỆ tổ chức và hoạt động của
hợp tác xã tín dụng ở nông
thôn.**

(ban hành kèm theo quyết định số 52-NH/QĐ ngày 2-6-1983 của tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước).

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. — Hợp tác xã tín dụng là tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa của nông dân lao động, hoạt động về tín dụng,

tiền tệ ở nông thôn, là trợ thủ cho Ngân hàng Nhà nước về quản lý tiền tệ, tín dụng thuộc địa bàn xã.

Hoạt động của hợp tác xã tín dụng góp phần cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn và đấu tranh chống cho vay nặng lãi.

Điều 2. — Hợp tác xã tín dụng là tổ chức có tư cách pháp nhân, hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế, có con dấu riêng, có quyền quan hệ tín dụng, tiền tệ, thanh toán với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. — Hợp tác xã tín dụng chịu sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã, và sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước.

Chương II

**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ
TRÁCH NHIỆM CỦA HỢP TÁC XÃ
TÍN DỤNG**

Điều 4. — Hợp tác xã tín dụng có các nhiệm vụ sau đây:

a) Phần tự kinh doanh:

1. Huy động vốn cổ phần của xã viên. Mức tiền mỗi suất cổ phần do đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu xã viên⁽¹⁾ quy định.

Một xã viên có thể góp nhiều cổ phần. Vốn cổ phần được hưởng lãi.

2. Huy động tiền gửi của tư nhân và các tổ chức đoàn thể xã hội, tôn giáo trong xã.

3. Cho vay làm kinh tế gia đình và giải quyết một số trường hợp khó khăn trong đời sống đối với xã viên thuộc các tổ chức kinh tế tập thể trong xã theo phương

(1) Các mục sau viết gọn là đại hội xã viên.

hướng, nhiệm vụ của địa phương và thể lệ tín dụng của Ngân hàng Nhà nước.

b) Phần làm ủy nhiệm cho Ngân hàng Nhà nước:

4. Thu, trả tiền gửi tiết kiệm ở xã.
5. Chi trả trợ cấp hưu trí và thương binh xã hội.

6. Kiểm tra và quản lý tiền mặt đối với các cơ quan, đoàn thể, tổ chức kinh tế trong xã.

7. Thu tiền mặt, thu nợ cho vay cá thể của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. — Hợp tác xã tín dụng có các quyền hạn, trách nhiệm sau đây:

1. Được Ngân hàng Nhà nước cho vay theo thể lệ tín dụng hiện hành trong trường hợp tạm thời thiếu vốn hoạt động.

2. Có quyền và có trách nhiệm mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước để gửi số vốn bằng tiền tạm thời chưa sử dụng, và số tiền vượt định mức tồn quỹ quy định tại chế độ quản lý tiền mặt.

3. Được hưởng hoa hồng về các nghiệp vụ làm ủy nhiệm cho Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở hợp đồng ủy nhiệm được ký kết giữa Ngân hàng Nhà nước và hợp tác xã tín dụng.

4. Nguồn vốn làm ủy nhiệm thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng Nhà nước, hợp tác xã tín dụng có trách nhiệm bảo quản, thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn với Ngân hàng Nhà nước theo từng định kỳ do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 6. — Kế hoạch kinh doanh của hợp tác xã tín dụng phải được Ủy ban nhân dân xã thông qua, Ngân hàng Nhà nước xét duyệt trước khi thực hiện.

Hợp tác xã tín dụng phải chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ tín dụng, quản lý tiền tệ của Nhà nước, thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, chế độ báo cáo thống kê do Ngân hàng Nhà nước quy định.

Chương III

XÃ VIÊN

Điều 7. — Nông dân lao động có hộ khẩu thường trú trong xã từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tôn giáo, nếu tán thành Điều lệ của hợp tác xã tín dụng, tự nguyện gia nhập, đều được công nhận là xã viên hợp tác xã tín dụng, trừ những người bị tước quyền bầu cử và ứng cử.

Xã viên khi ra hợp tác xã tín dụng được nhận lại vốn cổ phần đã góp và tiền lãi, nếu có.

Điều 8. — Xã viên hợp tác xã tín dụng có các nhiệm vụ và quyền lợi sau:

a) Nhiệm vụ:

— Góp đủ vốn cổ phần khi vào hợp tác xã tín dụng.

— Thực hiện Điều lệ của hợp tác xã tín dụng và các nghị quyết của đại hội xã viên.

— Tuyên truyền phát triển xã viên mới, tham gia xây dựng hợp tác xã tín dụng vững mạnh.

b) Quyền lợi:

— Tham dự đại hội xã viên, phát biểu ý kiến và biểu quyết các công việc của hợp tác xã tín dụng; có quyền ứng cử, bầu cử ban quản lý, ban kiểm soát và đại biểu dự đại hội xã viên.

— Có quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị mọi công việc của ban quản lý, ban kiểm soát.

— Được vay vốn của hợp tác xã tín dụng.

Điều 9. — Khen thưởng và kỷ luật:

— Xã viên và cán bộ hợp tác xã tín dụng có thành tích được Ngân hàng Nhà nước hoặc Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng về tinh thần và vật chất.

— Xã viên và cán bộ làm trái điều lệ hoặc nghị quyết của đại hội xã viên, sau

nhều lần giáo dục mà vẫn vi phạm, thì tùy theo mức độ sai lầm, bị thi hành kỷ luật đến mức khai trừ ra khỏi hợp tác xã tín dụng.

— Ai làm thiệt hại đến tài sản của hợp tác xã tín dụng phải bồi hoàn; nếu vi phạm nghiêm trọng sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Chương IV

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ

Điều 10.— Hợp tác xã tín dụng tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ, được thành lập theo đơn vị xã. Mỗi thôn, xóm, ấp thành lập một tổ xã viên và bầu một tổ trưởng.

Điều 11.— Đại hội xã viên là cơ quan quyền lực cao nhất của hợp tác xã tín dụng. Mỗi năm tổ chức đại hội một kỳ vào dịp tổng kết công tác hàng năm.

Đại hội đại biểu gồm những xã viên do các tổ bầu lên.

Quyền hạn, nhiệm vụ của đại hội như sau:

— Thông qua báo cáo thực hiện nghị quyết đại hội kỳ trước và tình hình kinh doanh kỳ báo cáo; quyết định phương hướng, kế hoạch kinh doanh kỳ tới.

— Thông qua quyết toán lãi, lỗ năm trước, xét duyệt phương án phân phối tiền lãi; quyết định bổ sung nguồn vốn hoạt động năm sau.

— Chuẩn xét việc giải quyết đơn khiếu nại của xã viên.

— Xét khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, xã viên.

— Bầu cử, bãi miễn ủy viên ban quản lý, ban kiểm soát; quyết định việc kết nạp hoặc khai trừ xã viên.

— Kiến nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ.

Điều 12.— Đại hội bất thường được triệu tập khi có yêu cầu của một phần ba tổng

số xã viên, hoặc của toàn ban kiểm soát hay của Ủy ban nhân dân xã.

Trong phạm vi 15 ngày từ khi có yêu cầu trên, ban quản lý phải triệu tập đại hội. Nếu quá thời hạn đó, phải báo cáo rõ lý do để Ủy ban nhân dân xã quyết định.

Điều 13.— Ban quản lý có từ 5 đến 9 người do đại hội xã viên bầu bằng phiếu kín. Nhiệm kỳ của ban quản lý là một năm. Trường hợp chưa hết nhiệm kỳ mà khuyết một phần ba số ủy viên, thì ban quản lý đề nghị Ủy ban nhân dân xã quyết định bổ sung; sau đó phải báo cáo trước đại hội xã viên.

Ban quản lý họp thường lệ mỗi tháng một lần, có đại diện của Ủy ban nhân dân xã và của ban kiểm soát tham dự.

Điều 14.— Ban quản lý có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

— Thi hành nghị quyết của đại hội và các chủ trương, chính sách, chế độ của Nhà nước có quan hệ đến hợp tác xã tín dụng.

— Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của hợp tác xã tín dụng trong nhiệm kỳ.

— Lập kế hoạch kinh doanh, báo cáo sơ kết, tổng kết công tác, quyết toán tài sản của hợp tác xã tín dụng theo nhiệm kỳ.

— Xét đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, xã viên có thành tích hoặc phạm sai lầm.

— Chuẩn bị dự án phụ cấp và các quyền lợi khác cho ban thường trực, phương án chia lãi... để trình đại hội xét duyệt.

— Quyết định triệu tập đại hội thường kỳ hoặc bất thường.

Điều 15.— Ban thường trực do ban quản lý cử ra, tối thiểu có 3 người gồm một chủ nhiệm, một kế toán và một thủ quỹ.

Ban thường trực có nhiệm vụ điều hành công việc hàng ngày của hợp tác xã tín dụng, chịu trách nhiệm về bảo đảm an toàn tài sản và kết quả kinh doanh của hợp tác xã tín dụng.

Cán bộ ban thường trực được hưởng phụ cấp hàng tháng và các quyền lợi khác theo chế độ của Nhà nước quy định đối với cán bộ chủ chốt ở xã.

Điều 16. — Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra của hợp tác xã tín dụng do đại hội xã viên bầu bằng phiếu kín. Ban kiểm soát có từ 3 đến 5 người và cử ra một trưởng ban.

Nhiệm kỳ của ban kiểm soát là một năm. Trường hợp khuyết ủy viên giữa nhiệm kỳ thì Ủy ban nhân dân xã quyết định bổ sung. Sau đó phải báo cáo trước đại hội xã viên.

Ban kiểm soát hoạt động không lệ thuộc vào ban quản lý, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân xã và Ngân hàng Nhà nước huyện, quận, thị xã về công tác kiểm tra.

Điều 17. — Ban kiểm soát có quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

— Kiểm tra, giám sát sự hoạt động của ban quản lý, ban thường trực và xã viên đối với công việc của hợp tác xã tín dụng;

— Nhận và xét đơn khiếu tố, thu thập ý kiến của xã viên đối với cán bộ hợp tác xã tín dụng;

— Được dự và phát biểu ý kiến tại các cuộc họp của ban quản lý; xác nhận quyết toán kinh doanh, báo cáo tài chính và tham gia ý kiến vào các dự thảo sơ kết, tổng kết của ban quản lý.

Hợp thường kỳ hàng tháng để kiểm điểm công tác của ban theo định kỳ hoặc bất thường; báo cáo về công tác kiểm soát với đại hội xã viên, Ủy ban nhân dân xã và Ngân hàng Nhà nước huyện, quận, thị xã.

Chương V

VỐN, TÀI SẢN VÀ PHÂN PHỐI THU NHẬP

Điều 18. — Tất cả tài sản thuộc vốn tự có và coi như tự có của hợp tác xã tín dụng thuộc quyền sở hữu tập thể xã viên, được pháp luật Nhà nước bảo hộ; vốn huy động tiền gửi tự nhân và của các tổ chức đoàn thể xã hội trong xã, vốn vay ngân hàng thuộc quyền quản lý sử dụng của hợp tác xã tín dụng theo chế độ, thể lệ tín dụng và tiền gửi thanh toán hiện hành quy định.

Điều 19. — Vốn tự có, coi như tự có và vốn huy động của hợp tác xã tín dụng gồm:

a) Vốn tự có và coi như tự có:

— Vốn cổ phần;

— Quỹ tích lũy;

— Quỹ khen thưởng thi đua;

— Quỹ phúc lợi và bảo hiểm xã hội;

— Các khoản thu nhập về nghiệp vụ kinh doanh.

b) Vốn huy động của hợp tác xã tín dụng:

— Vốn vay Ngân hàng Nhà nước;

— Vốn huy động tiền gửi tự nhân và các tổ chức đoàn thể xã hội trong xã;

— Vốn hợp pháp khác.

Điều 20. — Sau khi quyết toán cuối năm, số tiền thực lãi được phân bổ vào các quỹ theo khung tỷ lệ sau đây:

— Chia lãi theo cổ phần xã viên từ 20% đến 30%;

— Chuyển vào quỹ tích lũy từ 15% đến 25%;

— Chuyển vào quỹ khen thưởng thi đua từ 10% đến 15%;

— Chuyển vào quỹ phúc lợi và bảo hiểm xã hội từ 10% đến 20%;

— Nộp ngân sách xã 10%.

Đại hội xã viên sẽ quyết định tỷ lệ phân phối cụ thể giữa các quỹ trong phạm vi khung tỷ lệ quy định trên đây.

Trường hợp quyết toán cuối năm bị lỗ phải được đại hội xã viên quyết định theo hướng:

- Trích quỹ tích lũy để bù;
- Nếu quỹ tích lũy không đủ, có thể trích một phần vốn cổ phần để bù lỗ.

Nhưng sau đó hợp tác xã tín dụng phải có biện pháp tăng cường công tác kinh doanh, tiết kiệm chi phí để bù đắp lại số vốn cổ phần và tích lũy bị thâm hụt, bảo đảm duy trì và không ngừng tăng cường nguồn vốn kinh doanh của hợp tác xã tín dụng.

Chương VI

THÀNH LẬP VÀ GIAI THỂ HỢP TÁC XÃ TÍN DỤNG

Điều 21.— Nơi nào có đủ các điều kiện sau đây sẽ được thành lập hợp tác xã tín dụng:

— Nhân dân trong xã yêu cầu và tự nguyện góp cổ phần để xây dựng hợp tác xã tín dụng.

— Đủ số cán bộ có tín nhiệm và năng lực điều hành quản lý hợp tác xã tín dụng.

— Ủy ban nhân dân xã nhất trí đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã ra quyết định chuẩn y.

Điều 22.— Trường hợp hợp tác xã tín dụng được sáp nhập với một hợp tác xã

tín dụng khác, hoặc phải giải thể theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, ban quản lý hợp tác xã tín dụng phải triệu tập đại hội xã viên để quyết định tổng quyết toán tài sản của hợp tác xã tín dụng.

Trong mọi trường hợp, các nguồn vốn làm ủy nhiệm cho ngân hàng và nợ vay ngân hàng phải được thanh toán đầy đủ cho ngân hàng. Nếu thiếu, phải dùng nguồn vốn tự có của hợp tác xã tín dụng để hoàn trả và quy trách nhiệm cho cá nhân. Đối với tài sản thuộc phần tự kinh doanh do đại hội xã viên quyết định hướng thanh lý xử lý. Sau khi thanh lý tài sản, nếu còn thừa sẽ bàn giao cho hợp tác xã tín dụng mới (trường hợp sáp nhập), hoặc giao cho ngân sách xã quản lý (trường hợp giải thể).

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23.— Điều lệ này áp dụng thống nhất cho các hợp tác xã tín dụng trong cả nước kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái Điều lệ này không còn hiệu lực thi hành.

Điều 24.— Điều lệ này chỉ được bổ sung, sửa đổi theo quyết định của tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước
Việt Nam

NGUYỄN DUY GIA